

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 19-8-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhạn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Thôn;

Bà Phạm Thị Vĩnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 681/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu T, trú tại: Thôn A, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện chấp hành án tại: Đội C, phân trại Y, Trại giam Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:*

Chị T xây dựng hạnh phúc với anh Trần Văn B do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 5 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà mẹ đẻ chị ở Thôn A, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Những năm đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận và có 01 con chung. Trong quá trình chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về tình cảm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh B chơi bời, sử dụng ma túy, chị bắt được quả tang và đã khuyên bảo nhưng anh B không thay đổi, vợ chồng sống ly thân nhau. Năm 2016, anh B vi phạm pháp luật hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội C, phân trại Y, Trại giam Quảng Ninh. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn với anh Trần Văn B. Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là Trần Thế D, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2010. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn B có lời khai thể hiện: Anh nhất trí với lời khai của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình chung sống đến năm 2016 anh vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án phạt tù là 7,5 năm về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" tại Trại giam Quảng Ninh. Do tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh B đồng ý. Do anh B đang chấp hành án không thể có mặt tại tòa án, anh đề nghị tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Về con chung: Anh B nhất trí vợ chồng có 01 con chung, họ, tên, tuổi con như chị T trình bày, hiện anh B đang chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con. Ly hôn anh B nhất trí nhường chị T nuôi con Trần Thế D. Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị xử cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Trần Văn B. Về con chung: Giao con Trần Thế D, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2010 cho chị T nuôi dưỡng, tạm hoãn việc anh B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T và anh B không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Thu T có đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh Trần Văn B. Anh B có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện anh B đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Quảng Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T và bị đơn anh Trần Văn B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn B xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 5 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với mẹ đẻ chị T tại Thôn A, xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh và có 01 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân nhau. Năm 2016, anh B vi phạm pháp luật hiện đang chấp hành án tại Trại giam Quảng Ninh. Do tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh B đồng ý. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh B là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là Trần Thế D, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2010. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, anh B có lời khai đồng ý chị T nuôi con. Xét chị T hiện có công việc, có thu nhập và có nơi ở ổn định đảm bảo nuôi con. Cháu Dân trên 7 tuổi có đơn đề nghị được ở với chị T. Hội đồng xét xử giao con Trần Thế D cho chị T nuôi dưỡng, tạm hoãn việc anh B cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn B không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao con Trần Thế D, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2010 cho chị Phạm Thị Thu T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Trần Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị Thu T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001268 ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị Thu T và anh Trần Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nạn**